

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/7/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp 4, xã Sông T, huyện Trảng B, tỉnh Đồng N, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Thư V, sinh năm 1996; thường trú: Xóm Đồng T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; hiện nay đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương; địa chỉ: ấp Gai Biện, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Thư V sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông T, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Giấy chứng nhận kết hôn số 141/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng

thuê nhà trọ chung sống tại số 30 đường số 5, khu phố N, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, anh Vũ sống không có trách nhiệm với vợ, con, không chịu tìm việc làm để phụ giúp gia đình mà dành hết thời gian cho việc chơi bài và sử dụng chất ma túy. Mặc dù chị L đã hết sức khuyên nhủ nhưng anh Vũ vẫn không thay đổi.

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thu V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 16/6/2017; Con chung từ trước đến nay vẫn do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Thu V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 30/6/2022 bị đơn anh Trần Thu V trình bày:* Anh và chị Trần Thị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Giấy chứng nhận kết hôn số 141/2016. Sau khi kết hôn thì hai vợ thuê nhà trọ sinh sống tại số 30 đường số 5, khu phố Nhị Đồng 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Anh Vũ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Thống nhất với lời bày của chị L là giữa hai vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 16/6/2017. Sau khi ly hôn anh Vũ đồng ý giao con chung cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vì đang cai nghiện nên không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Trần Thu V đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều

228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị L và anh Trần Thu V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Thu V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Giấy chứng nhận kết hôn số 141/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Trần Thị L cho rằng quá trình sống chung với anh Trần Thu V, anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh Vũ không dành thời gian chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con và sử dụng chất ma túy. Vì vậy, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Bị đơn anh Trần Thu V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị L. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trần Thị L.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 16/6/2017, quá trình anh Trần Thu V đi trại cai nghiện thì con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu Hạnh còn nhỏ, cần được sự chăm sóc, quan tâm để phát triển tốt nhất. Lời khai trong quá trình tố tụng anh Trần Thu V cũng đồng ý giao con chung là Trần Thị Mỹ H cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị L tự nguyện không yêu cầu anh Trần Thu V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị L là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Thu V (Giấy chứng nhận kết hôn số 141/2016 do Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18 tháng 11 năm 2016).

2 Về con chung: Chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 16/6/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị L không yêu cầu anh Trần Thu V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị L và anh Trần Thu V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003800 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương(1);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

